

Môn: **Marketing căn bản**
CBGD: **Nguyễn Thị Bảo Nghi**

Nhóm: **08**

Mã sinh viên	STT	Họ lót	Tên	NGÀY SINH	D.QT	THI	Đ. HP
2121120482	1	Nguyễn Thị Kiều	Anh		7.5	8.5	8.1
2121120477	2	Nguyễn Thị Lan	Anh		7.8	7.5	7.6
2121120485	3	Võ Thị Hồng	Anh		7.4	6.5	6.9
2118100540	4	Lê Thị Ngọc	Ánh		8.3	7.0	7.5
2121120442	5	Nguyễn Thị Minh	Ánh		7.8	8.0	7.9
2121200213	6	Ngô Quang	Bảo		0.0		0.0
2121120450	7	Nguyễn Võ Gia	Bảo		3.5		1.4
2121120427	8	Lê Bảo	Châu		7.3	7.5	7.4
2121200212	9	Nguyễn Thị Tú	Chi		7.7	7.0	7.3
2121120432	10	Hồ Sỹ	Chung		7.2	5.0	5.9
2121120421	11	Nguyễn Thị Mỹ	Chung		0.0		0.0
2121120455	12	Nguyễn Ngọc	Diễm		8.1	7.0	7.5
2120100038	13	Trần Thị Mỹ	Diệu		8.4	6.0	7.0
2121120484	14	Hoàng Anh	Dũng		8.0	6.0	6.8
2121120441	15	Lê Thị Kim	Hân		8.2	8.0	8.1
2120120630	16	Nguyễn Thị Ngọc	Hậu		7.4	8.0	7.8
2121120473	17	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền		8.5	6.5	7.3
2121120487	18	Lê Thanh	Hiệp		8.2	7.5	7.8
2121120460	19	Phan Thị Mỹ	Hoa		0.0		0.0
2121120467	20	Nguyễn Thành	Hợp		8.9	6.0	7.2
2121120479	21	Châu Gia	Huệ		8.5	8.5	8.5
2121120443	22	Lê Thị Thanh	Huyền		7.9	7.5	7.7
2121120459	23	Thành Việt	Hưng		7.8	6.5	7.0
2121120451	24	Đặng Lê Nguyên	Khang		7.6	7.5	7.6
2121120466	25	Ngô Thị Vân	Kiều		8.3	8.0	8.1
2121120439	26	Lê Thị Tiểu	Lam		8.1	8.0	8.1
2120100046	27	Trịnh Thị	Liên		8.1	7.0	7.4
2120100047	28	Phan Thị Thúy	Liều		7.8	5.0	6.1
2121120423	29	Cao Thị Thùy	Linh		9.3	8.0	8.5
2121120426	30	Nguyễn Trí	Lực		8.8	7.0	7.7
2121200199	31	Khuất Quang	Minh		2.0		0.8
2121120594	32	Phan Nhật	Minh		7.8	7.0	7.3
2121120447	33	Vòng Lê	Minh		4.1	6.0	5.3
2121120446	34	Nguyễn Thị Trà	My		8.3	7.0	7.5
2121120431	35	Trần Lê My	My		7.5	7.5	7.5
2120200259	36	Trần Thị	My		7.9	8.0	8.0
2121120463	37	Phạm Thành	Nam		8.4	4.5	6.1
2121120486	38	Nguyễn Đặng Kim	Ngân		8.3	8.0	8.1

2121120474	39	Danh Thị Tuyết	Ngọc		7.6	6.0	6.7
2121120483	40	Phan Như	Ngọc		9.0	8.0	8.4
2121120440	41	Võ Thị Hồng	Ngọc		8.9	7.0	7.8
2121120449	42	Phạm Đình	Nguyễn		8.3	8.5	8.4
2121120480	43	Trần Quang	Nhật		8.3	8.5	8.4
2121120490	44	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		7.6	7.5	7.6
2120100054	45	Dương Thị Yến	Như		7.7	5.5	6.4
2121120457	46	Bùi Thanh	Phương		8.6	7.0	7.7
2121120488	47	Lê Thị Trúc	Phương		8.8	7.0	7.7
2121120464	48	Nguyễn Thanh Hà	Phương		8.7	8.5	8.6
2121120641	49	Phạm Huỳnh Thanh	Phương		0.0		0.0
2121120452	50	Phan Thị	Phương		8.5		3.4
2121120444	51	Phạm Huỳnh Mỹ	Quyền		7.6	6.0	6.7
2121120470	52	Nguyễn Trọng	Sang		8.3	6.5	7.2
2121120640	53	Thái	Sơn		0.0		0.0
2121120433	54	Nguyễn Thị	Tâm		8.3	7.5	7.8
2121120489	55	Trương Thị Mỹ	Tâm		7.9	7.5	7.7
2121120465	56	Phan Đình Lam	Thanh		8.1	3.5	5.4
2121120445	57	Danh Thị Thu	Thảo		8.6	7.5	8.0
2121200215	58	Nguyễn Thị Phương	Thảo		0.0		0.0
2121120453	59	Nguyễn Trần	Thắng		7.9	7.0	7.4
2120100025	60	Trần Thị Ngọc	Thắm		7.8	6.0	6.7
2121120593	61	Linh Thị	Thêm		7.9	8.0	8.0
2121120454	62	Nguyễn Minh	Thuận		7.4	7.5	7.5
2121120436	63	Quách Ngọc	Toàn		9.5	8.5	8.9
2121120481	64	Bùi Thị Quỳnh	Trang		7.7	6.5	7.0
2121120456	65	Lê Thùy	Trang		7.6	6.5	7.0
2121120595	66	Trương Thị Bích	Trâm		8.8	7.5	8.0
2121120458	67	Phạm Thị Lan	Trinh		8.1	8.0	8.1
2121120475	68	Trương Thị Ngọc	Trinh		8.3	8.0	8.1
2121120430	69	Nguyễn Đăng	Trường		7.9	7.5	7.7
2121120472	70	Lê Thị Cẩm	Tú		7.5	7.5	7.5
2121120476	71	Phạm Phan Ngọc	Tú		8.1	8.0	8.1
2121120424	72	Huỳnh Thị Minh	Tuyền		8.0	8.0	8.0
2121120428	73	Phạm Thị Ngọc	Tuyền		8.5	7.5	7.9
2121120469	74	Nguyễn Thị Kim	Tuyến		8.0	7.5	7.7
2121120422	75	Phú Nữ Hoàng	Ty		8.2	8.0	8.1
2121120478	76	Nguyễn Thị Tường	Vi		8.5	7.0	7.6
2121120429	77	Trần Thị Hồng	Vi		8.8	8.5	8.6
2119240052	78	Ngô Tùng	Việt		8.6	4.0	5.8
2121120471	79	Bùi Thị Ngọc	Vy		8.0	8.5	8.3
2121120461	80	Hồ Thị Thúy	Vy		8.0	7.0	7.4
2121120462	81	Trần Thị Thanh	Xinh		8.2	8.5	8.4
2121120425	82	Dương Huỳnh Như	Ý		8.1	7.0	7.4

2121120438	83	Đinh Hoàng	Yến		7.9	5.0	6.2
2121120468	84	Trần Thị Hải	Yến		8.3	7.0	7.5